

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 10 - 10 - 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Hằng;
2. Ông Trương Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th (Út H), sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 5, khóm T, phường U, thành phố D, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn Bé S (Bé T), sinh năm 1980 và bà Mã Thị Thanh H, sinh năm 1980; Cùng tạm trú địa chỉ: Số 106, khóm Y, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Th (Út H) và ông S (Bé T), bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Th (Út H) trình bày: Do quen biết, vợ chồng ông S, bà H có vay tiền của bà 02 lần tiền, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14/02/2019 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng, thế chấp quyền sử dụng đất ở nông thôn, diện tích 161,6 m², thửa 177, tờ bản đồ số 42, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19 707486

cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016, tọa lạc ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, trên đất có căn nhà cấp 4 chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, từ khi vay đến nay chỉ đóng lãi 01 tháng thì ngưng đóng 03 tháng qua.

- Lần 2: Ngày 04/5/2019 (ngày 30/3/2019 âm lịch) vay 51.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào cần lấy lại thì báo trước, không thể chấp tài sản, có lập biên nhận.

Nhiều lần bà Th nhắc nhở việc đóng lãi, có báo trước sẽ lấy lại vốn vay của cả 02 khoản vay thì vợ chồng S, H không thực hiện.

Bà Th yêu cầu ông S, bà H trả cho bà vốn gốc tổng cộng 151.000.000 đồng; tính lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng kể từ ngày 14/02/2019 và đối với khoản vay 51.000.000 đồng tính lãi từ ngày 04/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Th với ông S, bà H ngày 14/02/2019 (bản chính);

- Giấy chứng nhận QSDĐ số CH19 707486 cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016 (bản sao) .

- Biên nhận nợ ngày 30/3/2019 âm lịch (bản chính);

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Th với ông S, bà H ngày 14/02/2019 (bản chính);

- Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2013 của ông S, bà H (bản photo).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mã Thị Thanh H trình bày: Bà và ông S là vợ chồng, do cần vốn làm ăn vợ chồng có vay tiền của bà Th (Út H), cụ thể:

- Khoản vay 51.000.000 đồng là do bà trực tiếp vay của bà Th (Út H) không nhớ rõ ngày tháng năm, đến ngày 04/5/2019 hai bên kết sổ bà còn nợ 51.000.000 đồng, trong đó có vốn, lãi bao nhiêu thì bà không nhớ, bà đồng ý viết biên nhận và thỏa thuận lãi suất 25/tháng, đến tháng 7/2019 âm lịch sẽ trả mỗi ngày 50.000 đồng. Từ ngày 04/4/2019 đến ngày 18/7/2019 bà trả 5.250.000đồng, việc trả lãi không lập biên nhận và không ai chứng kiến.

- Ngày 14/02/2019 vợ chồng bà có vay của bà Th (Út H) 100.000.000 đồng để làm vốn mua bán, với mức lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 19707486 cấp ngày 08/10/2012 thay đổi ngày 11/8/2016 mang tên vợ chồng bà. Hai bên lập hợp đồng có chứng thực của Phòng Công chứng số 2 tỉnh An Giang, vợ chồng bà đã

nhận đủ tiền, sau đó bà trả lãi 01 tháng là 3.000.000 đồng thì ngưng do không khả năng nên bà Th (Út H) mới khởi kiện.

Do hoàn cảnh khó khăn bà xin bà Th cho trả dần hai khoản nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi như đã thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, bà Th (Út H) và bà H đồng ý mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt ông S, thống nhất số nợ vốn nhưng không thỏa thuận được phương thức trả nợ. Bà H cho biết ông S có biết việc bà Th (Út H) khởi kiện nhưng do bận công việc nên vắng mặt, qua trao đổi với bà, ông S thống nhất với ý kiến bà đã trình bày.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/9/2019 bà Th (Út H) rút lại yêu cầu tính lãi và chấp nhận số tiền lãi đã nhận như bà H đã khai.

* Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không đồng ý cho bị đơn trả dần, sau khi trả dứt nợ thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bà H, ông S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19 707486 cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016. Cho biết việc thế chấp tài sản không có đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà H thống nhất vợ chồng bà còn nợ nguyên đơn số tiền vốn tổng cộng 151.000.000 đồng, xin trả dần số nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xin không tính lãi suất. Cho biết, bà và ông S chung sống có đăng ký kết hôn, riêng khoản nợ 51.000.000 đồng bà trực tiếp vay để bổ sung vốn, kiếm lời phục vụ cho sinh hoạt chung của vợ chồng và các con, nhận trách nhiệm cùng ông S trả nợ cho nguyên đơn. Việc bà không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn do việc mua bán không thuận lợi, mất khả năng trả vốn, lãi, xác định nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn.

- Bị đơn ông S (Bé T) thừa nhận vợ chồng có ký thế chấp tài sản để vay 100.000.000 đồng của bà Th như bà H trình bày, riêng khoản nợ 51.000.000 đồng bà H vay, ông không biết, không đồng ý trả khoản nợ này.

Ngoài ra, các đương sự xác định tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Giữa bà Th với ông S, bà H có giao kết hợp đồng vay tài sản, với số tiền vay tổng cộng 151.000.000 đồng. Về thời gian vay, lãi suất cũng như tài sản thế chấp các đương sự thống nhất theo lời khai của bà Th. Bà Th yêu cầu ông S, bà H trả đủ một lần khoản nợ vốn, không yêu cầu

tính lãi. Bị đơn bà H thừa nhận khoản nợ 151.000.000 đồng và xin trả dần cho đến khi dứt nợ. Riêng ông S chỉ thừa nhận khoản nợ 100.000.000 đồng, còn 51.000.000 đồng là khoản nợ riêng của bà H là không có căn cứ, bởi khoản nợ 51.000.000 đồng bà H vay trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay là để mua bán kiếm lời sử dụng cho sinh hoạt trong gia đình nên được xem là nợ chung của vợ chồng.

Về tiền lãi, các đương sự thống nhất số tiền lãi đã trả, riêng khoản vay 51.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, bà thuận đã nhận 5.250.000 đồng. Xét, việc thỏa thuận mức lãi suất của đương sự là cao hơn với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên bị đơn không có yêu cầu điều chỉnh nên không xem xét.

Xét thấy yêu cầu kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Đỗ Văn Bé S (Bé T) và bà Mã Thị Thanh H có đăng ký tạm trú tại số 106, khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo hợp đồng vay ngày 14/02/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng nếu 03 tháng liên tục không trả lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Ngoài ra ngày 03/3/2019 âm lịch (ngày 04/5/2019) bị đơn vay 51.000.000 đồng, thỏa thuận tháng 7/ 2019 âm lịch góp trả.

Theo nguyên đơn khai bị đơn chỉ trả lãi được 01 tháng vào ngày 04/6/2019 cho khoản vay 100.000.000 đồng và trả lãi cho khoản vay 51.000.000 đồng đến ngày 04/6/2019 thì ngưng. Xét, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thời gian trả tiền lãi, bị đơn có vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên nguyên đơn có quyền khởi kiện, ngày 03/7/2019 tòa án thụ lý là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] *Vốn vay và lãi suất:*

- Về vốn vay: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông S, bà H có trách nhiệm cùng trả vốn vay tổng cộng 151.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày

03/3/2019 âm lịch (ngày 04/5/2019) và hợp đồng vay ngày 14/02/2019 có chứng thực của Phòng Công chứng số 2 tỉnh An Giang.

Lời khai của bị đơn bà H tại biên bản ghi nhận ý kiến và hòa giải đều xác định vợ chồng có nợ của bà Th tổng cộng 151.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền ngày 04/5/2019 và ký hợp đồng vay ngày 14/02/2019. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả lãi khi đến hạn.

Tại phiên tòa, ông S không thừa nhận khoản nợ 51.000.000 đồng cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà H. Tuy nhiên, bà H cho biết khoản nợ này bà vay để mua bán kiếm lời phục vụ sinh hoạt cho gia đình và chấp nhận vợ chồng cùng trả nợ.

Xét, bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tiền, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Theo thỏa thuận bị đơn không thực hiện việc trả lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là có cơ sở.

Ông S không đồng ý cùng bà H trả khoản nợ 51.000.000 đồng; Tuy nhiên, bà H vay số tiền này trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nguyên đơn yêu cầu ông S cùng có trách nhiệm với bà H trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Buộc ông Đỗ Văn Bé S (Bé T) và bà Mã Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích Th vốn 151.000.000 (một trăm năm mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lãi suất:

Lời khai trong quá trình giải quyết của nguyên đơn và bị đơn thống nhất mức lãi suất, thời gian và số tiền lãi đã trả.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, bị đơn không yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả vượt quy định nên không xem xét giải quyết.

- Về việc thế chấp tài sản: Để đảm bảo số tiền vay 100.000.000 đồng ông S, bà H có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất 161,6 m² đất ở nông thôn, thửa số 177, tờ bản đồ số 42 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19707486 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016 cho nguyên đơn, đất tọa lạc tại ấp Hòa thanh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu. Theo đó nguyên đơn giữ bản chính giấy tờ về tài sản. Thấy rằng, việc thế chấp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên các bên không đăng ký thế chấp theo quy định và nguyên đơn không có yêu cầu nào khác nên không đề cập.

Nguyên đơn đồng ý giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19707486 cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016 cho bị đơn sau khi bị đơn trả dứt nợ là phù hợp.

[4] Về án phí:

- Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.550.000 (Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 422, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Th (Út H).

Buộc ông Đỗ Văn Bé S (Bé T) và bà Mã Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Bích Th (Út H) khoản nợ vốn 151.000.000 (một trăm năm mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Bích Th (Út H) trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH19707486 cấp ngày 08/10/2012, thay đổi ngày 11/8/2016 cho ông Đỗ Văn Bé S (Bé T) và bà Mã Thị Thanh H sau khi trả dứt nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Văn Bé S (Bé T) và bà Mã Thị Thanh H phải chịu 7.550.000 (Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Bích Th (Út H) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Th số tiền 3.775.000 (Ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003206 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy